

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2017/KDTM-PT
Ngày 30-8-2017
V/v tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn.

Các thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn;

Bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2017/TLPT-KDTM ngày 09/6/2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2017/KDTM-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2017/QĐPT-KDTM ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và dịch vụ kỹ thuật A.

Địa chỉ: Đường B, xã C, huyện D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mai V - Chuyên viên hành chính của Công ty - Có mặt (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2016)

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa N.

Địa chỉ: Đường E, phường T, thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đoàn Quang Trường H - Trợ lý Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty - Có mặt (Theo văn bản ủy quyền 21/8/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/01/2016 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật A (sau đây gọi tắt là Công ty A) trình bày:

1. Năm 2011, Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có nhu cầu sử dụng máy X-Quang di động cao tầng và yêu cầu Công ty A bán loại máy này cho Công ty N nhưng Công ty N lại yêu cầu Công ty A bán loại máy này cho Công ty cổ phần Thương mại kỹ thuật V (sau đây gọi tắt là Công ty V) có trụ sở tại phường I, quận K, thành phố Hà Nội là nhà cung cấp

thiết bị y tế cho Công ty N, để Công ty V lắp đặt thiết bị này cho Công ty N. Ngày 04/5/2011, Công ty A ký hợp đồng số: NKC-11008 với Công ty V, bán cho Công ty V máy X-Quang di động cao tầng có giá trị 505.554.840 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty A đã chuyển giao máy X-Quang cho Công ty V tại Công ty N và lắp đặt thiết bị này cho Công ty N; Công ty V đã thanh toán cho Công ty A 404.165.200 đồng tiền mua máy X-Quang; số tiền còn nợ 101.389.640 đồng, được sự đồng ý của Công ty A, Công ty V đã chuyển nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Công ty N; tháng 4/2014, Công ty N xác nhận còn nợ Công ty A tiền mua máy X-Quang 101.389.640 đồng và cam kết sẽ thanh toán cho Công ty A chậm nhất vào tháng 11/2014. Tuy nhiên, đến nay Công ty N vẫn chưa thanh toán số tiền mua máy X-Quang còn nợ 101.389.640 đồng.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) có trụ sở tại xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông là nhà thầu thi công xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa N của Công ty N; Công ty N có nhu cầu sử dụng các trang thiết bị xây dựng phòng chĩ cho máy chụp X-Quang và máy chụp CT của bệnh viện nhưng Công ty N yêu cầu Công ty A bán các thiết bị này cho Công ty Đ, để công ty Đ xây dựng phòng chụp X-Quang và phòng chụp CT cho Bệnh viện đa khoa N. Ngày 04/4/2012, Công ty A ký hợp đồng số: NKC-11004 với Công ty Đ, bán thiết bị chĩ y tế cho Công ty Đ, để Công ty Đ xây dựng phòng chụp X-Quang và phòng chụp CT của bệnh viện; Tổng giá trị hợp đồng là 660.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty A đã bàn giao thiết bị chĩ y tế cho Công ty Đ và tiến hành lắp đặt thiết bị chĩ phòng chụp X-Quang và phòng chụp CT của Bệnh viện đa khoa N; Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty A 396.000.000 đồng tiền mua thiết bị chĩ y tế, số tiền còn nợ là 264.000.000 đồng. Được sự đồng ý của Công ty A, Công ty Đ đã chuyển nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Công ty N; Công ty N đồng ý trả cho Công ty A số tiền nợ nêu trên; Tháng 4/2014, Công ty N xác nhận còn nợ Công ty A 264.000.000 đồng tiền mua thiết bị chĩ y tế và cam kết chậm nhất đến tháng 11/2014 sẽ thanh toán cho Công ty A số tiền nợ nêu trên nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

3. Ngày 06/9/2013, Công ty A ký kết hợp đồng số: NKC-130011 với Công ty N, bán cho Công ty N hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh X-Quang kỹ thuật số, có giá trị 1.680.000.000 đồng và máy in phim khô có giá trị 222.000.000 đồng; tổng giá trị hợp đồng là 1.902.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty A chuyển giao và lắp đặt hệ thống thiết bị y tế nêu trên cho Công ty N; Công ty N đã thanh toán cho Công ty A 1.166.000.000 đồng, còn nợ 736.000.000 đồng;

Tháng 4/2014, Công ty N xác nhận còn nợ Công ty A số tiền nêu trên và cam kết thanh toán chậm nhất vào tháng 11/2014.

Tổng số tiền mà Công ty N mua thiết bị y tế theo 3 hợp đồng và còn nợ Công ty A tính đến tháng 4/2014 là 1.101.389.640 đồng; ngày 13/11/2014, Công ty N thanh toán cho Công ty A 413.650.000 đồng và còn nợ 687.739.640 đồng; Mặc dù Công ty A đã đòi nhiều lần nhưng Công ty N vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên. Vì vậy, Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty A số tiền mua thiết bị y tế còn nợ là 687.739.640 đồng và lãi suất chậm thanh toán, lãi suất quá hạn.

Trong đơn phản tố ngày 29/3/2017 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là Công ty N trình bày: Về các thỏa thuận trong hợp đồng và giá trị hợp đồng mua bán hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh X-Quang kỹ thuật số, máy in phim khô được ký kết ngày 06/9/2013 giữa Công ty N và Công ty A, đúng như nguyên đơn đã trình bày; tính đến 13/11/2014, Công ty N còn nợ Công ty A 322.350.000 đồng tiền mua thiết bị y tế theo hợp đồng. Tuy nhiên, máy in phim mà Công ty A bán cho Công ty N, chỉ sử dụng được phim do Công ty A cung cấp; vì đây là loại máy đặc thù chỉ nhận phim đúng mã vạch đã được cài đặt sẵn trong máy, nên không thể sử dụng phim khác mã vạch; Ngày 12/11/2013, Công ty N ký hợp đồng với Công ty A mua 1.000 tấm phim nhưng Công ty A chỉ cung cấp được 500 tấm phim, dẫn đến phòng X-Quang của bệnh viện hoạt động ngưng trệ, do không có phim để in; Công ty N yêu cầu Công ty A tiếp tục cung cấp phim nhưng không được chấp nhận; Ngày 15/7/2015, Công ty N đã có văn bản yêu cầu A nhận lại máy in phim có giá trị 222.000.000 đồng, số tiền còn lại Công ty N sẽ thanh toán nhưng không được Công ty A chấp nhận. Công ty N phải thuê máy in phim để phục vụ cho việc khám, chữa bệnh trong thời gian từ ngày 01/12/2014 đến ngày 14/4/2015 là 58.690.240 đồng. Vì vậy, Công ty N phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty A nhận lại máy in phim khô có giá trị 222.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho Công ty N tiền thuê máy in phim 58.690.240 đồng.

Đối với hợp đồng Công ty A bán máy X-Quang di động cao tầng cho Công ty V để lắp đặt cho Bệnh viện đa khoa N; Công ty V chuyển nghĩa vụ cho Công ty N thanh toán cho Công ty A 101.389.640 đồng tiền mua máy X-Quang đúng như nguyên đơn đã trình bày; Công ty N đồng ý thanh toán cho Công ty A số tiền nợ nêu trên với điều kiện Công ty A nhận lại máy in phim khô.

Đối với hợp đồng Công ty A bán thiết bị chỉ y tế cho Công ty Đ, để xây dựng phòng chụp X-Quang và phòng chụp CT Bệnh viện đa khoa N; do Công ty Đ nhờ Công ty N xác nhận còn nợ Công ty A tiền mua thiết bị chỉ 264.000.000 đồng, nên Công ty N xác nhận còn nợ Công ty A số tiền nêu trên; thực tế Công ty N không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty A tiền mua thiết bị chỉ y tế, vì Công ty N không ký hợp đồng mua thiết bị chỉ y tế của Công ty A.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2017/KDTM-ST, ngày 28/4/2017 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, đã áp dụng: khoản 1 Điều 29, Điều 144, Điều 220, Điều 235, Điều 266, điều 273 BLTTDS; Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương Mại; Khoản 2, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật A.

Buộc Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa N, có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật A số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 423.739.640 đồng và 64.182.430 đồng tiền lãi; tổng cộng 487.922.070 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật A về việc yêu cầu: Buộc Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa N trả số tiền nợ 264.000.000 đồng theo hợp đồng số: NKC-12004 ngày 04/4/2012.

Tách yêu cầu phản tố của phản tố của Công ty N về việc buộc Công ty A nhận lại máy in phim và bồi thường thiệt hại thành một vụ án khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định lãi suất chậm trả tiền, trong giai đoạn thi hành án; quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 11/5/2017, nguyên đơn là Công ty A có đơn kháng cáo với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc buộc Công ty N phải thanh toán tiền mua thiết bị chày y tế còn nợ 264.000.000 đồng là không đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty A tiền mua thiết bị y tế còn nợ theo 03 hợp đồng là 687.739.640 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/9/2015.

Ngày 04/5/2017, bị đơn là Công ty N có đơn kháng cáo với lý do: Do Công ty A không cung cấp phim, nên Công ty N không thể sử dụng máy in phim mà Công ty A đã bán cho Công ty N; Công ty N phải thuê máy in phim để phục vụ cho việc khám, chữa bệnh hết số tiền 58.000.000 đồng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của Công ty A và buộc Công ty A bồi thường thiệt hại cho Công ty N 58.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Ngày 04/5/2011, Công ty A ký hợp đồng với Công ty V, bán máy X-Quang di động cho Công ty V có giá trị 505.554.840 đồng, để lắp đặt cho Bệnh viện đa khoa N. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty V đã thanh toán cho Công ty A 404.165.200 đồng; số tiền còn nợ 101.389.640 đồng Công ty V chuyển nghĩa vụ cho Công ty N thanh toán cho Công ty A; tháng 4/2014, Công ty N xác nhận còn nợ số tiền này và cam kết trả nợ nhưng chưa trả. Ngày 06/9/2013, Công ty A ký hợp đồng với Công ty N, bán cho Công ty N hệ thống thu nhận và xử lý hình

ảnh X-Quang kỹ thuật số và máy in phim khô, có giá trị 1.902.000.000 đồng; Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty N đã thanh toán cho Công ty A 1.166.000.000 đồng; số tiền còn lại chưa thanh toán là 736.000.000đ; ngày 13/11/2014, Công ty N tiếp tục thanh toán cho Công ty A 413.650.000 đồng. Tổng số tiền mà Công ty N chưa thanh toán cho Công ty A theo 02 hợp đồng là 423.739.640 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty A số tiền nợ nêu trên và tiền lãi chậm thanh toán 64.182.430 đồng là có căn cứ.

Ngày 04/4/2012, Công ty A ký hợp đồng với Công ty Đ, bán thiết bị chày y tế cho Công ty Đ có giá trị 660.000.000 đồng, để Công ty Đ xây dựng phòng chụp X-Quang và phòng chụp CT Bệnh viện đa khoa N. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty A 396.000.000 đồng; số tiền còn lại 264.000.000 đồng, Công ty Đ chuyển nghĩa vụ cho Công ty N thanh toán cho Công ty A. Tuy nhiên, do Công ty A chưa cung cấp hồ sơ lắp đặt thiết bị chày y tế tại Bệnh viện đa khoa N, nên Công ty N chưa thanh toán cho Công ty A số tiền nợ nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A về việc buộc Công ty N thanh toán số tiền 264.000.000 đồng là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các đương sự không rút đơn kháng cáo, không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2.] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty A và yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngày 06/9/2013, Công ty A và Công ty N ký kết hợp đồng mua bán số: NKC-13001 với nội dung: Công ty A bán cho Công ty N hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh X-Quang kỹ thuật số có giá trị 1.680.000.000 đồng và máy in phim khô có giá trị 222.000.000 đồng; tổng giá trị hợp đồng là 1.902.000.000 đồng. Nội dung của hợp đồng không có điều, khoản nào quy định Công ty A cung cấp phim cho Công ty N.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty A đã bàn giao và lắp đặt các thiết bị y tế nêu trên tại Bệnh viện đa khoa N, theo đúng nội dung của hợp đồng. Ngày 20/9/2013 và ngày 30/11/2013, Công ty N đã thanh toán cho Công ty A 1.166.000.000 đồng tiền mua thiết bị y tế; số tiền còn lại chưa thanh toán là

736.000.000 đồng, Công ty N cam kết sẽ thanh toán chậm nhất vào tháng 11/2014; Công ty N kháng cáo cho rằng do Công ty A không cung cấp phim, không nhận lại máy in phim, nên không thanh toán số tiền mua thiết bị y tế còn nợ là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với hợp đồng số: NKC-11008 được ký kết ngày ngày 04/5/2011 giữa Công ty V và Công ty A với nội dung: Công ty A bán cho Công ty V máy X-Quang di động cao tầng có giá trị 24.000 USD, quy đổi Việt Nam đồng là 505.554.840 đồng để lắp đặt cho Bệnh viện đa khoa N. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty A đã bàn giao và lắp đặt thiết bị y tế nêu trên tại Bệnh viện đa khoa N; Công ty V đã thanh toán cho Công ty A 404.165.640 đồng tiền mua thiết bị y tế; số tiền còn lại chưa thanh toán là 101.389.640 đồng; được sự đồng ý của Công ty N, Công ty V đã chuyển nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên cho Công ty N; Công ty N cam kết sẽ thanh toán cho Công ty A số tiền nợ nêu trên chậm nhất vào tháng 11/2014; Công ty N kháng cáo cho rằng Công ty A phải nhận lại máy in phim khô, mới thanh toán số tiền nêu trên là không có căn cứ. Bởi lẽ, hợp đồng mua máy X-Quang di động không liên quan đến hợp đồng mua máy in phim; Công ty N là người thế nghĩa vụ được Công ty V chuyển giao, nên phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền nêu trên.

Đối với hợp đồng số: NKC-11004 được ký kết ngày 04/11/2012 giữa Công ty Đ và Công ty A với nội dung: Công ty A bán thiết bị chày y tế cho Công ty Đ, để Công ty Đ xây dựng phòng chụp X-Quang và phòng chụp CT Bệnh viện đa khoa N; tổng giá trị hợp đồng là 660.000.000 đồng.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty A đã bàn giao và lắp đặt thiết bị chày y tế tại Bệnh viện đa khoa N; Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty A tiền mua thiết bị chày y tế 396.000.000 đồng; số tiền còn lại chưa thanh toán là 264.000.000 đồng; được sự đồng ý của Công ty A, Công ty Đ chuyển nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty N; Công ty N cam kết sẽ thanh toán cho Công ty A số tiền nêu trên chậm nhất là tháng 11/2014. Tổng số tiền mua thiết bị y tế theo 03 hợp đồng, Công ty N cam kết thanh toán cho Công ty A vào tháng 4/2014 là 1.101.389.640 đồng; ngày 13/11/2014, Công ty N thanh toán cho Công ty A 413.650.000 đồng; số tiền còn lại 687.739.640 đồng, Công ty N chưa thanh toán cho A, là vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng được quy định tại Điều 50 Luật Thương Mại.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng Công ty Đ ký hợp đồng mua thiết bị chày y tế của Công ty A, để xây dựng phòng chụp X-Quang và phòng chụp CT bệnh viện đa khoa N; Công ty Đ chưa cung cấp hồ sơ hoàn công xây dựng công trình bệnh viện đa khoa N, nên Công ty N không thể trả tiền xây dựng cho Công ty Đ, để Công ty Đ thanh toán tiền mua thiết bị chày y tế cho Công ty A; hiện tại không xác định địa chỉ trụ sở Công ty Đ, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của Công ty A về việc yêu cầu Công ty N thanh toán tiền mua thiết bị chì y tế.

Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là không có căn cứ và trái với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, việc Công ty Đ xây dựng công trình bệnh viện đa khoa N, là hợp đồng độc lập được ký kết giữa Công ty N và Công ty Đ, không liên quan đến hợp đồng Công ty Đ mua thiết bị chì y tế của Công ty A; Công ty Đ sau khi thanh toán một phần tiền mua thiết bị chì y tế cho Công ty A; số tiền còn lại 264.000.000 đồng, được sự đồng ý của Công ty A, Công ty Đ đã chuyển nghĩa vụ thanh toán cho Công ty N, được quy định tại điều 315 Bộ luật dân sự; Công ty N là người thế nghĩa vụ, nên phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty A; Công ty N cam kết sẽ thanh toán cho Công ty A chậm nhất vào tháng 11/2014 nhưng sau đó không thanh toán đầy đủ, là vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty N; cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty A, sửa bản án sơ thẩm buộc Công ty N phải thanh toán cho Công ty A tiền mua thiết bị y tế theo 03 hợp đồng là 687.739.640 đồng.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Công ty N cam kết thanh toán tiền mua thiết bị y tế cho Công ty A chậm nhất vào tháng 11/2014; như vậy, thời gian tính tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 01/12/2014. Tuy nhiên, do Công ty A yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 30/9/2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tính tiền lãi từ ngày 30/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/4/2017) là 18 tháng 28 ngày; Lãi suất chậm thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 0,8%/tháng. Số tiền lãi chậm thanh toán: $687.739.640đ \times 0,8\% \times 18$ tháng 28 ngày = 104.169.630 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty N về việc buộc Công ty A bồi thường thiệt hại tiền thuê máy in phim 58.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, ngày 07/3/2017, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ngày 22/3/2017, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 29/3/2017, Công ty N mới nộp đơn yêu cầu phản tố, nên Tòa án không thụ lý yêu cầu phản tố của Công ty N là đúng với quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty N, nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét theo thủ tục phúc thẩm; Công ty N có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của Công ty N nhưng lại tách vụ án là trái với quy định của pháp luật, cần phải rút kinh nghiệm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa N; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật A; sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương Mại; Điều 315 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật A.

1. Buộc Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa N, phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật A 687.739.640 đồng tiền mua thiết bị y tế còn nợ, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 28/4/2017 là 104.169.630 đồng; tổng cộng 791.909.270 đồng và lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc theo hợp đồng mua bán thiết bị y tế là 0,8%/tháng, tính từ ngày 29/4/2017 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

2. Về án phí:

- Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa N phải chịu 35.676.370 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0000432 ngày 17/5/2017 và biên lai số 0000458 ngày 19/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, được khấu trừ vào số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm phải nộp.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại 15.755.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0037262 ngày 21/3/2016 và 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000476 ngày 24/5/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố M,

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS M;
- Đường sự;
-;
- Lưu HS

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huân

